

**ĐẢNG BỘ TỈNH KIÊN GIANG
ĐẢNG ỦY KHỐI
CÁC CƠ QUAN-DOANH NGHIỆP TỈNH**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Kiên Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số 93-KH/ĐUK

KẾ HOẠCH

**hưởng ứng Cuộc thi viết với Chủ đề “Công tác thông tin đối ngoại;
tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền tỉnh Kiên Giang năm 2023”**

Thực hiện Kế hoạch số 178-KH/TTĐN, ngày 02/3/2023 của Ban Chỉ đạo Công tác Thông tin đối ngoại về tổ chức Cuộc thi viết với chủ đề “Công tác thông tin đối ngoại; tuyên truyền biển, đảo và biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang năm 2023” (gọi tắt là *Cuộc thi*), Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xây dựng Kế hoạch hưởng ứng Cuộc thi, như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác thông tin, đối ngoại; tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Góp phần củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, cơ đồ của đất nước. Khơi dậy, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động. Đồng thời quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Kiên Giang trong hội nhập quốc tế.
- Giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế hiểu chính xác, đầy đủ và ủng hộ quan điểm, chủ trương, chính sách của Việt Nam trong công tác thông tin đối ngoại; các vấn đề liên quan đến biển, đảo; biên, giới lãnh thổ.
- Thông qua Cuộc thi, giúp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong Khối hiểu chính xác, đầy đủ về các quan điểm, chủ trương, chính sách của Việt Nam trong công tác thông tin đối ngoại; các vấn đề liên quan đến biển, đảo; biên giới lãnh thổ.
- Cấp ủy cơ sở phát động trong của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tích cực hưởng ứng cuộc thi, đảm bảo chính xác, đúng thể lệ cuộc thi.

II- NỘI DUNG CUỘC THI

1. Đối tượng, số lượng bài dự thi

- Đối tượng dự thi

Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên đang công tác và học tập tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Đảng bộ Khối.

- Số lượng bài dự thi

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng vận động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động tham gia cuộc thi, đảm bảo mỗi Chi bộ cơ sở 01 bài, đảng bộ cơ sở có từ 02 bài, Đoàn Khối 05 bài, Hội cựu chiến binh Khối từ 01-02 bài.

2. Nội dung, hình thức

- Cuộc thi viết gồm **10 câu hỏi kiến thức** trên các lĩnh vực về công tác thông tin đối ngoại; tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền tỉnh Kiên Giang; **01 câu hỏi tự luận** (*Có bộ câu hỏi gửi kèm*).

- Trang đầu bài dự thi của tác giả ghi rõ họ và tên; chức vụ, đơn vị công tác; địa chỉ liên hệ, điện thoại và email; số tài khoản ngân hàng, thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân còn giá trị.

- Bài dự thi trả lời đầy đủ nội dung bộ câu hỏi đặt ra. Bài dự thi phải bảo đảm không có tranh chấp về bản quyền kể từ thời điểm gửi cho Ban Tổ chức Cuộc thi.

- Bài dự thi sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, đánh máy trên giấy A4 (phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, font Times New Roman, giãn dòng 1,5 lines; lề trên 2,5 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 3 cm; lề phải 2 cm); được trình bày đẹp, hợp lý, khuyến khích sử dụng hình ảnh để minh họa các nội dung; câu hỏi tự luận viết không quá **3.500 từ**.

- Tài liệu trích dẫn để ở cuối trang. Đối với sách báo tiếng Việt ghi rõ tác giả (năm), tên sách, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập số, trang trích dẫn. Đối với sách báo nước ngoài xuất bản bằng tiếng Việt thì sử dụng bản dịch ở lần xuất bản mới nhất. Tên sách và tên người nước ngoài đều viết bằng tiếng của nước đã xuất bản ấn phẩm, không phiên âm, chuyển ngữ hoặc dịch, trừ những tên đã được Việt hóa (như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,...). Nếu sử dụng nguồn tài liệu chưa được công bố trên sách báo hoặc chỉ được phép dùng hạn chế thì phải ghi rõ tên cơ quan quản lý tài liệu, ký hiệu tài liệu. Đối với nội dung tài liệu "**Mật**" khi trích dẫn phải đảm bảo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài liệu "**Mật**".

- Tài liệu tham khảo liệt kê ở cuối bài dự thi: Xếp tên tác giả (nếu không xác định được tác giả thì xếp theo tên cơ quan hoặc tên tài liệu) theo A, B, C gồm: Tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập số.

- Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ tiến hành rà quét tự động (**Câu hỏi tự luận**) nhằm xác định mức độ trùng lặp đối với tất cả các bài dự thi. **Câu hỏi tự luận nếu có độ trùng lặp quá 20% sẽ bị loại**.

- Trong thời gian từ khi phát động đến khi kết thúc Cuộc thi, tác giả không đăng tải bài viết dự thi trên các phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội.

- Không hạn chế số bài tham gia dự thi đối với các tác giả.

- Các bài viết đạt giải sẽ thuộc bản quyền của Ban Tổ chức Cuộc thi. Ban Tổ chức được quyền sử dụng bài viết đạt giải để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, bản Thông tin nội bộ và Bản tin sinh hoạt tổ nhân dân tự quản và các

đoàn thể của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Những bài viết không đạt giải nhưng được chọn, biên tập để đăng tải sẽ được trả nhuận bút theo quy định.

3. Thời gian, địa chỉ nhận bài dự thi

- **Thời gian:** Cuộc thi bắt đầu từ ngày ban hành kế hoạch, hạn cuối nhận bài dự thi ngày 15/10/2023.

- Địa điểm nhận bài dự thi

Người tham gia dự thi gửi đồng thời bản giấy và file bài viết (định dạng Microsoft Word) về Đảng ủy Khối (Lô KK6, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, An Hòa, Rạch Giá, Kiên Giang - qua Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối trực tiếp đ/c Nguyễn Thị Trà My).

* **Lưu ý:** Việc tham gia tốt cuộc thi cũng là tiêu chí tính thành tích cho xét đánh giá tổ chức cơ sở Đảng cuối năm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xây dựng và triển khai kế hoạch cuộc thi. Đồng thời, thành lập tổ thẩm định, xét duyệt, lựa chọn gửi các bài dự thi đạt chất lượng cao về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo đúng qui định.

2. Cấp ủy tổ chức cơ sở đảng trực thuộc

Triển khai kế hoạch phát động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên hưởng ứng cuộc thi, đảm bảo số lượng bài chất lượng được phân bổ.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Đảng ủy Khối (qua Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối) để giải quyết.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tuyên giáo TU (b/c),
- Các đ/c Đảng ủy viên,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Đoàn Khối, HCCB Khối,
- Lưu BTG, Văn phòng.



T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Huỳnh Hoàng Sơn
Huỳnh Hoàng Sơn



GỢI Ý ĐÁP ÁN CÂU HỎI
Cuộc thi viết với Chủ đề "Công tác thông tin đối ngoại; tuyên truyền biển, đảo và Biên giới trên đất liền tỉnh Kiên Giang năm 2023"
 (Gửi kèm Kế hoạch số 93-KH/ĐUK, ngày 28/8/2023 của Ban Thường vụ
 Đảng ủy Khối các Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh)

Câu 1: Vì sao phải đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế? Để ngoại giao kinh tế phục vụ tốt cho phát triển đất nước cần thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp gì?

Trả lời:

Theo Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/08/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030; Nghị quyết số 21/NQ-CP, ngày 20/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 – 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030.

Ngoại giao kinh tế là một động lực quan trọng để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Công tác này có vai trò tiên phong trong huy động các nguồn lực bên ngoài, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng cường tiềm lực, sức cạnh tranh và năng lực thích ứng của nền kinh tế, đưa đất nước hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả.

Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác song phương và đa phương. Tranh thủ tối đa các quan hệ chính trị đối ngoại để thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế. Nâng tầm đối ngoại đa phương, chủ động tham gia và phát huy vai trò, thúc đẩy sáng kiến của Việt Nam tại các cơ chế, diễn đàn kinh tế quốc tế và những vấn đề quốc tế có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện của ta.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Thực thi và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, chủ động xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình thực hiện các cam kết, giảm thiểu tối đa thiệt hại, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Tích cực vận động, thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc. Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác khoa học - công nghệ.

- Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm. Khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của các địa phương, doanh nghiệp và người dân vào hoạt động ngoại giao kinh tế.

- Tăng cường theo dõi, nắm chắc, cập nhật kịp thời, hiệu quả thông tin, tình hình kinh tế thế giới; nâng cao năng lực dự báo, tham mưu chiến lược về kinh tế

quốc tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm phát triển của các nước, luật pháp và tập quán kinh tế quốc tế.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, phát huy hơn nữa vai trò của đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân tại các diễn đàn kinh tế đa phương. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và bố trí nguồn lực triển khai công tác ngoại giao kinh tế.

Câu 2: Người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) hiện sinh sống và làm việc trên bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ? Những quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo và phát huy nguồn lực, tinh thần yêu nước của cộng đồng NVNONN?

Trả lời:

Theo Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; Hướng dẫn số 46-HD/BTGTU, ngày 06/7/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang hướng dẫn tuyên truyền Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Cộng đồng NVNONN hiện đang sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Nhiều chính sách, quy định pháp luật trong các lĩnh vực: quốc tịch, sở hữu nhà ở, xuất nhập cảnh, thu hút, trọng dụng cá nhân là NVNONN hoạt động khoa học công nghệ... đã được ban hành. Đến nay, đã hình thành hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến NVNONN tương đối đầy đủ...

- Công tác đại đoàn kết, vận động NVNONN hướng về quê hương đã đạt được những bước đột phá quan trọng. Trong các chuyến đi công tác nước ngoài hoặc trong những dịp kiều bào về nước, Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đều rất quan tâm, dành thời gian gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của cộng đồng NVNONN¹. Đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng tin tưởng vào đường lối, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Nhiều kiều bào, kể cả những người trước đây từng có định kiến, đã có những bài viết và phát ngôn tích cực về tình hình đất nước, trực tiếp phản bác những luận điệu sai trái.

- Các cơ quan trong và ngoài nước tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ NVNONN nâng cao địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống và hội nhập vào xã hội sở tại²; chú trọng tăng cường hợp tác với cơ quan an ninh của nước bạn nhằm

¹ Kiều bào được tạo điều kiện tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề quan trọng của đất nước (04 trí thức NVNONN tại Pháp, Nhật Bản, Mỹ, Singapore tham gia Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng, 17 kiều bào được bầu làm Ủy viên UBTTWMTTQVN khóa IX nhiệm kỳ 2019 - 2024). Các hoạt động thường niên do Ủy ban Nhà nước về NVNONN tổ chức như “Xuân Quê hương”, Đoàn kiều bào dự Giỗ Tổ Hùng Vương, thăm quân dân huyện đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1, Trại hè dành cho thanh niên, sinh viên kiều bào... thường xuyên được đổi mới về nội dung và hình thức, thu hút sự tham gia của đông đảo kiều bào.

² Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, mặc dù trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn rất quan tâm đến đồng bào ta nước ngoài. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp như tích cực vận động và phối hợp chặt chẽ với chính quyền sở tại hỗ trợ và tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống đồng viên kiều bào ta tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch của nước sở tại, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; tổ chức các chuyến bay đưa công dân bị mắc kẹt về nước an toàn, phân bổ kinh phí hỗ trợ của Nhà nước dành cho những kiều bào có hoàn cảnh khó khăn tại một số địa bàn; huy động các doanh nghiệp, địa phương trong nước và hỗ trợ được gần 01 triệu khẩu trang cùng nhiều vật phẩm y tế và nhu yếu phẩm

ngăn chặn tình trạng vi phạm luật pháp sở tại của NVNONN, đồng thời chú trọng công tác bảo hộ công dân, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

- Công tác thu hút nguồn lực của NVNONN đóng góp cho sự phát triển của đất nước ngày càng được chú trọng. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp tổ chức thành công nhiều hội thảo, hội nghị, diễn đàn doanh nghiệp, thành lập mạng lưới liên kết trí thức, doanh nhân NVNONN, thành lập các cơ chế để NVNONN tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề lớn của đất nước; hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho kiều bào khi về nước đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học; triển khai huy động NVNONN tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài. Những nỗ lực trên đã khích lệ, động viên kiều bào có nhiều đóng góp thiết thực, hướng về quê hương³.

- Các cơ quan trong và ngoài nước đã đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng duy trì tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc như hỗ trợ sách giáo khoa, tài liệu dạy và học tiếng Việt, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên kiều bào, vận động chính quyền sở tại đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy của các trường phổ thông, đại học, cử các đoàn văn nghệ trong nước đi biểu diễn phục vụ kiều bào...⁴.

- Công tác thông tin đối với NVNONN được xác định là một nội dung quan trọng trong Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020. Các chương trình truyền hình dành cho kiều bào có nội dung ngày càng phong phú, nhiều báo viết và báo điện tử tiếng Việt có chuyên trang, chuyên mục về các vấn đề liên quan đến NVNONN và những vấn đề bà con quan tâm như tình hình kinh

cho cộng đồng người Việt tại hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ; kiến nghị tiêm vắc-xin cho kiều bào đang sinh sống hoặc tạm trú ở trong nước...

³ Đến hết năm 2020, có 362 dự án đầu tư của kiều bào đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 1,6 tỷ USD. Bên cạnh đó, có hàng nghìn doanh nghiệp có vốn góp của kiều bào. Tổng kiều hối từ 2015 - 2020 đạt 88,6 tỷ USD. Nhiều sáng kiến tập hợp, kết nối chuyên gia, trí thức người Việt tại các địa bàn đóng góp cho những vấn đề phát triển đất nước được đề xuất và triển khai như Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam... Nhiều tổ chức của các chuyên gia, trí thức NVNONN đã được thành lập tại Pháp, Thụy Sĩ, Nga, Nhật Bản, Singapore... như: Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global), Hội Gặp gỡ VN, Nhóm sáng kiến Việt Nam, Nhóm hành trình VN, Viện hàn lâm trẻ VN, Mạng lưới học thuật người VN tại Nhật... Ngày càng có nhiều nhà khoa học, doanh nhân, các văn nghệ sỹ, vận động viên kiều bào về nước sinh sống, làm việc, đầu tư, kinh doanh, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao... Kiều bào cũng tích cực đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, quý báu vào các vấn đề cấp thiết trong quá trình phát triển đất nước như xây dựng Chính phủ kiến tạo, đô thị thông minh, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo. Cộng đồng có nhiều hoạt động thiết thực nhằm quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc ra thế giới, thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các nước và tổ chức.

Khi dịch Covid-19 bùng phát, mặc dù đời sống gặp nhiều khó khăn, nhưng kiều bào luôn đồng lòng, chia sẻ với đồng bào trong nước. Đến nay, kiều bào đã quyên góp hơn 60 tỷ đồng cùng nhiều trang thiết bị, vật phẩm y tế ủng hộ cho Quỹ vắc-xin và công tác phòng chống dịch ở trong nước. Nhiều kiều bào đã hợp tác với trong nước để chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm phòng chống dịch, nghiên cứu và thử nghiệm vắc-xin, dành cơ sở vật chất của mình tại Việt Nam cho địa phương làm nơi cách ly tập trung người nhiễm bệnh. Kiều bào ở nhiều nước đã tích cực phối hợp với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (CQĐD) triển khai ngoại giao vắc-xin, vận động sở tại hỗ trợ vắc-xin, vật phẩm y tế cho Việt Nam.

⁴ Từ năm 2013 đến nay, đã tổ chức 06 khóa tập huấn, bồi dưỡng cho 200 giáo viên kiều bào để trở thành nòng cốt trong phong trào dạy và học tiếng Việt của cộng đồng ở sở tại; từ năm 2016 đến nay, đã hỗ trợ lương cho 32 giáo viên người Việt tại Campuchia với tổng số tiền gần 10 tỷ đồng; hỗ trợ 15 dự án xây dựng trường tại Lào và Campuchia với tổng số tiền hơn 3,3 tỷ đồng, tính đến cuối tháng 6/2020, hơn 70.000 bộ sách tiếng Việt và nhiều loại văn hóa phẩm khác đã được chuyển tới các nước để phục vụ công tác dạy và học tiếng Việt. Kết quả là, việc dạy và học tiếng Việt ngày càng được cộng đồng quan tâm, có sức lan tỏa rộng rãi ở nhiều địa bàn. Các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được bà con gìn giữ và truyền lại cho thế hệ sau, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa nhiều thế hệ kiều bào với cội nguồn dân tộc.

tế - xã hội của đất nước, chủ quyền biển đảo, nhân quyền, tự do tôn giáo, tín ngưỡng...⁵.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong nước, giữa các cơ quan trong nước với các CQĐD trong công tác NVNONN tiếp tục củng cố và hoàn thiện; tổ chức bộ máy làm công tác này cũng được kiện toàn, v.v.../.

Câu 3: Mục tiêu, định hướng phát triển và các khâu đột phá kinh tế biển của tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045?

Trả lời:

Theo Chương trình hành động số 47-CTr/TU, 21/2/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực khẩn trương đẩy nhanh tốc độ xây dựng tỉnh ta trở thành địa phương biển mạnh của vùng biển và ven biển Tây Nam bộ; đạt các tiêu chí quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển, biển xâm thực vùng ven biển; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng; ứng dụng khoa học mới, tiên tiến, hiện đại thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Về kinh tế biển:* Phần đầu đến năm 2030, kinh tế biển chiếm 80% GRDP toàn tỉnh, thu nhập bình quân đầu người của các huyện, thành phố ven biển gấp 1,5 lần so với mức bình quân của tỉnh; cơ cấu kinh tế phi nông nghiệp chiếm trên 80% tổng GRDP. Thu hút khách du lịch tăng 30-50% so với năm 2020, xuất khẩu thủy sản tăng bình quân 10%/năm giai đoạn 2021-2030.

- *Về xã hội:* Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn mức trung bình của cả nước. Các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...

- *Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển:* Tiếp cận, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ biển đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, hình thành đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao.

⁵ Các cổng, trang điện tử của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, nhiều tỉnh, thành phố cũng đã có những thay đổi mạnh mẽ về nội dung và hình thức, trở thành những kênh thông tin quan trọng để kiều bào tìm hiểu, nắm bắt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với NVNONN, các hoạt động liên quan đến kiều bào cũng như tình hình đất nước. Các CQĐD thường xuyên cung cấp thông tin chính thống tới kiều bào qua website hoặc qua các bản tin định kỳ của CQĐD. Phương thức thông tin cho cộng đồng NVNONN được thực hiện đồng bộ, sâu rộng qua nhiều hình thức, nhiều loại ngôn ngữ, trong đó đã chú trọng việc phát triển nội dung trên nền tảng số để đồng bào ta trên toàn thế giới có thể dễ dàng tiếp cận mọi lúc, mọi nơi. Đáng chú ý, ngày càng nhiều phóng viên kiều bào về nước tác nghiệp, đưa tin, góp phần giúp cộng đồng nắm được những thông tin chính xác, khách quan về tình hình trong nước.

- Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

- Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển. Phân đầu có 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; duy trì tỷ lệ che phủ rừng ven biển. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phân đầu đến năm 2045, Kiên Giang trở thành tỉnh phát triển mạnh về kinh tế biển trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, theo hướng bền vững, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế cả nước.

4. Một số định hướng

1.1. Về du lịch và dịch vụ biển

- Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó tập trung đầu tư hạ tầng cho du lịch, nhất là các vùng du lịch trọng điểm, du lịch biển đảo, ven biển như: Phú Quốc, Kiên Hải, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất. Tập trung xây dựng phát triển Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh mang tầm quốc tế.

- Đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển, kết nối với các tuyến du lịch trong nước và quốc tế để Kiên Giang trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực và thế giới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy hoạch và các chương trình phát triển du lịch của tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Tổ chức tốt việc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp lữ hành trong nước và nước ngoài để thu hút khách du lịch đến với tỉnh ta. Tích cực đào tạo nguồn nhân lực về du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng. Kêu gọi các nhà đầu tư tham gia phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, các khu du lịch chất lượng cao tại các vùng ven biển của tỉnh, khuyến khích phát triển các mô hình dịch vụ du lịch homestay ở những nơi có điều kiện, xây dựng, phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc gia và quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị thắng cảnh, văn hóa, lịch sử đặc sắc các vùng trong tỉnh.

Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ biển như tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; các hoạt động thám hiểm khoa học; giáo dục, y tế biển; cung cấp hậu cần cho hoạt động hàng hải...

1.2. Nuôi trồng và khai thác hải sản

- Tổ chức lập quy hoạch và xây dựng dự án nuôi trồng thủy sản tỉnh Kiên Giang theo hướng nuôi biển, ven biển, quanh các đảo và vùng ven bờ, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển, đảo. Chuyển mạnh nuôi trồng hải sản theo phương thức công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường biển; thu hút đầu tư sản xuất giống chất lượng cao, khỏe mạnh, kháng bệnh, đồng thời nhanh chóng tiếp cận, ứng dụng công nghệ nuôi biển hiện đại ở vùng khơi.

- Thực hiện tái cơ cấu toàn diện khai thác hải sản, sắp xếp lại đội tàu khai thác hải sản của tỉnh, theo hướng không tăng thêm số lượng tàu. Xây dựng các đội tàu mạnh khai thác xa bờ và khai thác viễn dương theo chương trình hợp tác của Chính phủ, đi đôi với sắp xếp, cơ cấu lại nghề cá ven bờ; ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt các hành vi khai thác hải sản bất hợp pháp. Nghiêm cấm và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt; tăng cường bảo vệ, tái sinh, phục hồi nguồn lợi hải sản gần bờ, đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân.

Rà soát, củng cố và phát triển các hình thức liên kết sản xuất trên biển, gồm tổ, đội, hợp tác xã, liên kết các khâu khai thác, thu mua, tiêu thụ hải sản theo chuỗi giá trị. Đầu tư các khu neo đậu trú bão tại các địa phương trọng điểm nghề cá. Xây dựng trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang gắn với ngư trường biển Tây Nam tại huyện An Biên. Đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu thủy sản, xây dựng các doanh nghiệp chế biến mạnh, tạo ra các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

1.3. Kinh tế hàng hải

- Đây là một trong những ngành có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Khẩn trương quy hoạch, xây dựng, tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các cảng biển tổng hợp, cảng trung chuyển, cảng chuyên dùng; hạ tầng phát triển dịch vụ logistics. Đầu tư phát triển các cảng trọng điểm tại Phú Quốc, Kiên Lương, Hà Tiên, Kiên Hải. Trong đó, tập trung phát triển cảng Hòn Chông-Kiên Lương; cảng nước sâu Nam Du; cảng tổng hợp Bãi Đất Đỏ và kho ngoại quan; cảng biển Vĩnh Đầm; cảng hành khách quốc tế Dương Đông-Phú Quốc, cảng hành khách Rạch Giá; cảng Bãi Nỏ-Hà Tiên, cụm cảng Hà Tiên, Kiên Lương.

- Phát triển đội tàu vận tải biển, đáp ứng nhu cầu vận tải nội địa, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng vận tải quốc gia; phát triển thêm các tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo phục vụ hoạt động du lịch. Hoàn thiện hạ tầng giao thông (bao gồm đường bộ, đường thủy, hàng không) kết nối với các vùng, địa phương trong nước và quốc tế.

- Hoàn thành xây dựng các tuyến giao thông kết nối vùng kinh tế biển với các trục giao thông trọng điểm quốc gia và các tỉnh trong vùng biển và ven biển phía Tây như: tuyến đường Lộ Tẻ-Rạch Sỏi; tuyến Kênh Cụt-Tắc Cậu, Rạch Giá- Hòn Đất, Hòn Đất-Kiên Lương, tuyến đường hành lang ven biển phía Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Kiên Giang; các tuyến đường Quốc lộ 80, 61, 63, N1, Tỉnh lộ để tạo hành lang kết nối với khu vực kinh tế biển.

Nghiên cứu xây dựng 01 trung tâm logistics tại tỉnh (sau năm 2025). Phát triển Cảng Hòn Chông, huyện Kiên Lương thành cảng có thể tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn gắn với Dự án đường hành lang ven biển phía Nam thuộc chương trình hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng với chiều dài 950km từ Bangkok (Thái Lan) tới Cà Mau (Việt Nam) nhằm thiết lập tuyến đường bộ kết nối các khu vực kinh tế quan trọng của ba nước Việt Nam, Campuchia và Thái Lan cùng các nước khác trong khu vực ASEAN. Đồng thời nghiên cứu mở hướng phát triển vận tải biển sang Campuchia, Thái Lan, Malaysia. Trong đó, ưu tiên tuyến vận tải ven biển kết nối Việt Nam (Kiên Giang)-Campuchia-Thái Lan. Đầu tư hạ tầng đồng bộ, hiện đại trở thành trung tâm lưu thông và phân phối hàng hóa, phục vụ tốt cho sản xuất, xuất nhập khẩu của tỉnh, của vùng.

1.4. Khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác

- Gắn đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí với điều tra, khảo sát; đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng sản biển sâu đặc biệt là khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao.
- Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu kết hợp hài hòa bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

1.5. Về phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị ven biển

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, đóng góp nhiều cho tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phát triển ổn định công nghiệp vật liệu xây dựng, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp cơ khí-đóng, sửa chữa tàu, chế biến thực phẩm, vật liệu mới, công nghiệp sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày da, điện tử... Phát triển các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Trong đó, tập trung xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư vào 03 khu công nghiệp: Thạnh Lộc-Châu Thành, Thuận Yên-Hà Tiên và phát triển khu công nghiệp Xẻo Rô-An Biên; hình thành các cụm công nghiệp: Vĩnh Hòa Hưng Nam, Linh Huỳnh, Bắc Vĩnh Hiệp, Hà Giang và một số cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện.

- Đẩy mạnh thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị ven biển trên cơ sở nâng cấp mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh.

Xây dựng đảo Phú Quốc trở thành thành phố du lịch biển-đảo tầm cỡ quốc gia và khu vực. Hình thành và phát triển các đô thị ở Kiên Hải nhằm thúc đẩy phát triển vùng hải đảo thông qua đó gắn kết với phát triển vùng đất liền. Xây dựng thành phố Rạch Giá là một trong 4 đô thị của vùng kinh tế trọng điểm thuộc vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, là trung tâm thương mại đầu mối cấp vùng; trung tâm kinh tế biển. Xây dựng thành phố Hà Tiên trở thành đô thị kinh tế cửa khẩu quốc tế, trung tâm văn hóa-du lịch lớn của tỉnh và khu vực. Xây dựng huyện Kiên Lương là đô thị-công nghiệp có quy mô lớn và hiện đại; trung tâm du lịch cấp tỉnh.

1.6. Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

- Thúc đẩy đầu tư khai thác điện gió, điện khí, điện sóng, điện mặt trời,... và năng lượng tái tạo khác. Ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng an ninh. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển; quy hoạch và phát triển vùng nuôi chim yến...

- Tập trung các ngành kinh tế biển mới nổi: Năng lượng tái tạo từ biển, khai thác mỏ dưới đáy biển, công nghệ sinh học biển, an toàn và giám sát hàng hải, dịch vụ và sản phẩm biển công nghệ cao, các ngành kinh tế biển khác,...

5. Một số khâu đột phá

4.1. Tập trung xây dựng phát triển Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng mang tầm quốc tế.

4.2. Khai thác thủy sản theo hướng bền vững, đi đôi với tập trung đẩy mạnh nuôi trồng ven biển, tận dụng tối đa lợi thế nuôi biển.

4.3. Phát triển mạnh các đô thị đảo và ven biển.

4.4. Phát triển kinh tế hàng hải.

Câu 4: Khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định là gì? Quan điểm, mục tiêu và những nhiệm vụ, giải pháp khắc phục “thẻ vàng” của EC?

Trả lời

1. Khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định

- Khai thác thủy sản bất hợp pháp là hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện bởi tàu cá của Việt Nam, nước ngoài trong vùng biển thuộc quyền tài phán của một quốc gia mà không được phép, hoạt động trái với luật pháp, quy định của quốc gia đó hoặc tàu cá treo cờ của quốc gia đã ký thỏa ước với một tổ chức quản lý nghề cá khu vực nhưng hoạt động trái với các biện pháp bảo tồn và quản lý của tổ chức có tính chất ràng buộc đối với quốc gia tàu treo cờ, hoạt động trái với các điều khoản trong luật quốc tế được áp dụng hoặc tàu cá vi phạm luật quốc gia hay các nghĩa vụ quốc tế, bao gồm cả luật và nghĩa vụ quốc tế của các quốc gia hợp tác với một tổ chức quản lý nghề cá khu vực liên quan.

- Khai thác thủy sản không báo cáo là hoạt động khai thác thủy sản không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ cho cơ quan thẩm quyền của Việt Nam, trái với luật pháp và quy định của Việt Nam; được thực hiện trong khu vực thuộc thẩm quyền của một tổ chức quản lý nghề cá khu vực liên quan, không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, trái với quy trình thủ tục báo cáo của tổ chức đó.

- Khai thác thủy sản không theo quy định là hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện trong khu vực hoạt động của một tổ chức quản lý nghề cá khu vực liên quan bởi các tàu cá không quốc tịch, tàu cá treo cờ của quốc gia không thuộc tổ chức, hay bởi bất kỳ một thực thể khai thác thủy sản nào khác theo cách thức

không nhất quán hay trái với các biện pháp bảo tồn và quản lý của tổ chức đó hoặc được thực hiện bởi các tàu cá trong khu vực hay khai thác loài thủy sản không phải là đối tượng áp dụng của các biện pháp bảo tồn hay quản lý liên quan theo cách thức không nhất quán với trách nhiệm của quốc gia về bảo tồn nguồn sinh vật biển trong luật pháp quốc tế.

2. Quan điểm, mục tiêu và những nhiệm vụ, giải pháp khắc phục “thẻ vàng” của EC

2.1. Quan điểm

- Ngăn chặn, loại bỏ khai thác IUU là trách nhiệm của mỗi quốc gia có biển để bảo vệ nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển bền vững, ổn định sinh kế bền vững của người dân, đảm bảo quốc phòng an ninh trên các vùng biển và thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên.

- Ngăn chặn, loại bỏ khai thác IUU để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Mục tiêu

- Triển khai đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả các quy định pháp luật thủy sản; khắc phục các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC) về chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” trong năm 2023.

- Thống nhất nhận thức, hành động và vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống khai thác IUU. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp của các ban, bộ, ngành, địa phương có liên quan trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trong công tác phòng, chống khai thác IUU, coi đây là nhiệm vụ chính trị, ưu tiên, cấp bách, tập trung nguồn lực thực hiện, quyết tâm gỡ cảnh báo “Thẻ vàng”.

- Quản lý khai thác và phát triển bền vững ngành thủy sản vì lợi ích của người dân, của quốc gia; nâng cao vị thế, hình ảnh, trách nhiệm quốc tế của Việt Nam trong thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế trong bảo vệ môi trường biển, hệ sinh thái biển bền vững; góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp trước mắt

* Về thông tin truyền thông

- Thực hiện chiến dịch thông tin truyền thông cả trong nước và trên diễn đàn quốc tế đảm bảo minh bạch, trung thực về nỗ lực chống khai thác IUU của Việt Nam.

- Đa dạng các hình thức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến cho cộng đồng ngư dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan quy định về chống khai thác IUU.

* Về khung pháp lý, cơ chế, chính sách

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo khuyến nghị của EC và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn theo trình tự, thủ tục rút gọn.

* Về quản lý đội tàu và theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá

- Rà soát, thống kê toàn bộ số lượng tàu cá của địa phương, hoàn thành 100% việc đăng ký, đăng kiểm, đánh dấu tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS) theo quy định.

- Cập nhật 100% dữ liệu tàu cá vào Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase).

- Lập danh sách các tàu cá không tham gia khai thác thủy sản và các tàu có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU gửi các cơ quan chức năng và phân công cụ thể đơn vị, cá nhân theo dõi, quản lý.

- Kiểm tra, kiểm soát 100% tàu cá xuất, nhập bến tại đồn/trạm biên phòng tuyến biển; kiểm tra, kiểm soát tàu cá ra, vào tại cảng cá theo đúng quy định đảm bảo thiết bị VMS hoạt động liên tục 24/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng; theo dõi, giám sát 24/7 100% tàu cá hoạt động trên biển qua hệ thống giám sát tàu cá.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các địa phương để kiểm soát 100% tàu cá của tỉnh hoạt động trên địa bàn ngoài tỉnh, tàu cá của tỉnh khác cập cảng làm xác nhận nhưng thực hiện chứng nhận tại tỉnh khác.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chủ tàu cá mua, lắp thiết bị VMS và cước phí thuê bao vệ tinh để duy trì hoạt động thiết bị VMS.

- Khẩn trương thành lập Kiểm ngư địa phương theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo thẩm quyền của tỉnh.

* Về xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác

- Thực hiện xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo 100% hồ sơ các lô hàng xuất khẩu sang thị trường châu Âu (EU) và các thị trường khác có yêu cầu truy xuất được nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác.

- Rà soát các điểm tàu cá cập bến bốc dỡ thủy sản khai thác (*bến cá, cảng cá...*) tổ chức giám sát và truy xuất nguồn gốc 100% sản lượng thủy sản khai thác được bốc dỡ tại địa phương.

- Đảm bảo 100% tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên phải cập cảng chỉ định; thuyền trưởng phải thông báo trước 01 giờ khi cập cảng và thực hiện ghi, nộp Nhật ký khai thác theo quy định; kiểm tra, đối chiếu thông tin trong Nhật ký khai thác đảm bảo phù hợp với dữ liệu giám sát tàu cá.

- Thực hiện kết nối phần mềm hệ thống kiểm soát thủy sản khai thác nhập khẩu với Cổng thông tin một cửa quốc gia; kiểm soát 100% sản phẩm thủy sản khai thác được nhập khẩu từ nước ngoài tuân thủ đầy đủ theo quy định của Hiệp

định về các biện pháp quốc gia có cảng; có giải pháp kiểm soát chặt chẽ sản phẩm thủy sản khai thác nhập khẩu vào Việt Nam bằng tàu Container.

- Bố trí đủ nhân lực thủy sản, kiểm ngư, thú y tại cảng cá, cảng biển và Văn phòng thanh tra, kiểm soát nghề cá tại cảng cá đảm bảo kiểm tra, kiểm soát tàu cá, thủy sản từ khai thác trong nước, nhập khẩu.

* Về thực thi pháp luật, xử lý vi phạm

- Chấm dứt tàu cá khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

- Điều tra, xử lý 100% vụ việc tàu cá Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý và xử phạt 100% các trường hợp vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Điều tra, củng cố hồ sơ, truy tố xét xử các vụ việc môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài để ngăn chặn, xử lý phục vụ công tác tuyên truyền, răn đe.

- Mở các đợt cao điểm tuần tra, kiểm tra, kiểm soát ó sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và xử phạt nghiêm 100% hành vi khai thác IUU theo quy định.

- Xác minh, xử lý 100% các tàu cá không duy trì kết nối thiết bị giám sát hành trình theo quy định.

- Cập nhật 100% kết quả xử phạt hành vi khai thác IUU vào hệ thống phần mềm theo dõi, quản lý hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cảng cá chỉ định, các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình, các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan về thực thi nhiệm vụ chống khai thác IUU.

*Về Hợp tác quốc tế

Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện đường dây nóng giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, Thái Lan, Trung Quốc để trao đổi thông tin, xử lý các vụ việc về tàu cá, ngư dân hai nước.

2.4. Nhiệm vụ, giải pháp lâu dài

- Triển khai thực hiện các chương trình, đề án, quy hoạch phát triển ngành thủy sản bền vững đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đầu tư thỏa đáng để bảo đảm công tác bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển, tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng giảm khai thác thủy sản tăng nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi biển.

-Thực hiện chuyển đổi nghề khai thác thủy sản, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng ngư dân ven biển.

- Bố trí, phân bổ đủ nguồn vốn đầu tư công đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khoan nợ, giãn nợ vay cho chủ tàu cá khai thác thủy sản hợp pháp chưa đủ khả năng trả nợ.

- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao tay nghề; hướng dẫn quản lý lao động nghề cá phù hợp với quy định pháp luật lao động trong nước và quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch và thúc đẩy đàm phán phân định khu vực vùng biển chồng lấn, chưa phân định giữa Việt Nam với các nước như Trung Quốc, Ma-lai-xi-a và các nước láng giềng liên quan khác; trước mắt nghiên cứu, đề xuất các giải pháp liên quan đến hoạt động khai thác hải sản của tàu cá Việt Nam tại Biển Đông

- Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về nghề cá, phòng, chống khai thác IUU, hợp tác khai thác thủy sản giữa Việt Nam và các nước, tổ chức nghề cá khu vực và quốc tế; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, cam kết của Việt Nam đối với các Hiệp định, Công ước quốc tế về thủy sản mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia để ngăn chặn, loại bỏ khai thác IUU và các hoạt động thông tin truyền thông, tuyên truyền tập huấn pháp luật về IUU trong nước và trên diễn đàn quốc tế.

Câu 5: Luật Biển Việt Nam năm 2012 quy định Việt Nam có những vùng biển nào? Phạm vi, chế độ pháp lý của vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa được quy định như thế nào trong Luật Biển Việt Nam năm 2012?

Trả lời:

1. Luật Biển Việt Nam quy định vùng biển Việt Nam bao gồm:
Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

2. Phạm vi, chế độ pháp lý của nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa

2.1. Nội thủy

a) Phạm vi

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

b) Chế độ pháp lý của nội thủy

Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

2.2. Lãnh hải

a) Phạm vi

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

b) Chế độ pháp lý của lãnh hải

(1) Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

(2) Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(3) Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(4) Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(5) Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

2.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải

a) Phạm vi

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

b) Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải

(1) Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 của Luật này đối với vùng tiếp giáp lãnh hải.

(2) Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

2.4. Vùng đặc quyền kinh tế

a) Phạm vi:

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

b) Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế

(1) Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện:

- Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế;

- Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;

- Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.

(2) Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước

quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

(3) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

(4) Các quyền có liên quan đến đáy biển và lòng đất dưới đáy biển quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật này.

2.5. Thềm lục địa

a) Phạm vi:

Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.

b) Chế độ pháp lý của thềm lục địa

(1) Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên.

(2) Quyền chủ quyền quy định tại khoản 1 Điều này có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

(3) Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa.

(4) Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài

nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam./.

Câu 6: Anh, chị hãy cho biết vai trò của Biển Đông đối với thế giới và Việt Nam như thế nào? Những nhóm đảo chính của quần đảo Trường Sa, Hoàng sa của Việt Nam?

Trả lời:

1. Vai trò của Biển Đông đối với thế giới và Việt Nam

Biển Đông nằm trên tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương; Châu Âu – Châu Á; Trung Đông – Châu Á. Đây được coi là tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ 2 của thế giới. Mỗi ngày có khoảng 150 – 200 tàu các loại qua lại Biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào tuyến đường biển này như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo và Trung Quốc. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua Biển Đông. Biển Đông có những eo biển quan trọng như eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Đài Loan là những eo biển khá nhộn nhịp trên thế giới. Do đó, Biển Đông có vai trò hết sức quan trọng đối với tất cả các nước trong khu vực về địa – chiến lược, an ninh quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế.

Xét về an ninh, quốc phòng, Biển Đông đóng vai trò quan trọng là tuyến phòng thủ phía Đông của đất nước. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không chỉ có ý nghĩa trong việc kiểm soát các tuyến đường biển qua lại Biển Đông mà còn có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng đối với Việt Nam.

Nước ta giáp với Biển Đông ở ba phía Đông, Nam và Tây Nam. Các vùng biển, thềm lục địa Việt Nam là một phần Biển Đông trải dọc theo bờ biển dài khoảng 3,260km từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, với nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cam Ranh, Vũng Tàu, Phú Quốc...như vậy cứ 100km² lãnh thổ đất liền có 1km bờ biển, tỷ lệ này cao gấp 6 lần tỷ lệ trung bình của thế giới. Không một nơi nào trên lục địa của Việt Nam lại cách xa bờ biển hơn 500km.

Việt Nam có vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng lớn theo công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982; có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm giữa Biển Đông và hàng nghìn đảo lớn nhỏ gần và xa bờ hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ các vùng biển và thềm lục địa.

Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cả trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Không chỉ cung cấp nguồn thức ăn cho cư dân ven bờ từ hàng nghìn năm nay, Biển Đông còn tạo điều kiện để phát triển các ngành kinh tế và là cửa ngõ để Việt Nam có quan hệ trực tiếp với các vùng

miền của đất nước, giao thương với thị trường khu vực và quốc tế, nơi trao đổi và hội nhập của nhiều nền văn hóa.

Về kinh tế, Biển Đông tạo điều kiện để Việt Nam phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như thủy sản, dầu khí, giao thông hàng hải, đóng tàu, du lịch...

Ngoài ra, ven biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng như than, zircon, thiếc, vàng, đất hiếm... trong đó cát nặng, cát đen là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước.

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, rất thuận lợi cho việc đặt các trạm thông tin, xây dựng cá trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu, thuyền... phục vụ cho tuyến hàng hải trên Biển Đông.

2. Những nhóm đảo chính của quần đảo Trường Sa, Hoàng sa của Việt Nam:

2.1. Quần đảo Trường Sa được chia thành 08 nhóm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên. Song Tử Tây là đảo cao nhất (khoảng 4 - 6m lúc thủy triều xuống); Ba Bình là đảo rộng nhất (0,6 km²).

2.1.1 Nhóm đảo Song Tử: gồm đảo Song Tử Đông, Song Tử Tây, bãi Đá Bắc, bãi Đá Nam, bãi cạn Đinh Ba, bãi cạn Núi Cầu. Hai hòn đảo (Song Tử Đông và Song Tử Tây) nằm ở cực Bắc của quần đảo Trường Sa, ngang vĩ độ với Phan Rang.

2.1.2. Nhóm đảo Thị Tứ: nằm ở phía Nam nhóm đảo Song Tử, gồm đảo Thị Tứ và các bãi đá (Hoài An, Tri Lễ, Cái Vung, Xu Bi, Vĩnh Hảo). Đảo Thị Tứ hình bầu dục, rộng 550m, dài 700m, có giếng nước ngọt. Trên đảo có các loại cây: mù u, bàng, nhiều cây leo chằng chịt. Quanh đảo có nhiều bãi đá ngầm và rong biển.

2.1.3. Nhóm đảo Loại Ta: nằm ở phía Đông nhóm đảo Thị Tứ, gồm đảo Loại Ta và cồn san hô Lan Can (hay An Nhơn), đá An Lão, bãi Đường, bãi An Nhơn Bắc, bãi Loại Ta Bắc, bãi Loại Ta Nam, đảo Dừa và đá Cá Nhám. Vòng quanh đảo có nhiều bãi cát trắng tạo nên phong cảnh đẹp, có giếng nước ngọt nhưng rất ít nước.

2.1.4. Nhóm đảo Nam Yết: nằm ở phía Nam nhóm đảo Loại Ta, gồm đảo Nam Yết, đảo Sơn Ca, đảo Ba Bình, bãi Bàn Than, đá Núi Thị, đá Én Đất, đá Lạc, đá Gaven, đá Lớn, đá Nhỏ, đá Đèn Cây Cỏ.

2.1.5. Nhóm đảo Sinh Tồn: nằm ở phía Nam nhóm đảo Nam Yết, gồm đảo Sinh Tồn và các đá Sinh Tồn Đông, Nhận Gia, Bình Khê, Ken Nan, Tư Nghĩa, Bãi Khung, Đức Hòa, Ba Đầu, An Bình, Bía, Văn Nguyên, Phúc Sỹ, Len Dao, Gạc Ma, Cô Lin, Nghĩa Hành, Tam Trung, Sơn Hà.

2.1.6. Nhóm đảo Trường Sa: nằm ở phía Nam và Tây Nam của cụm Sinh Tồn, gồm đảo Đá Lát, Trường Sa, đảo Đá Đông, đảo Trường Sa Đông, đảo Phan Vinh (Hòn Sập) và đá Châu Viên, đá Tóc Tan, đá Núi Le, đá Tiên Nữ. Đảo lớn nhất là đảo Trường Sa. Nhóm đảo không có cây lớn, nhiều nhất là nam sâm, các

loại rau sam, muồng biển. Có loại chim hải âu trắng, sơn ca, chim én. Có giếng nước ngọt.

2.1.7. Nhóm đảo An Bang: nằm phía Nam nhóm đảo Trường Sa gồm có đảo An Bang (chỉ rộng 20m lúc nước ròng), bãi Đất, bãi Đình, bãi Vũng Mây, bộ Thuyền Chài, bãi Trăng Khuyết, bãi Kiệu Ngựa và đá Ba Kè, đá Hà Tân, đá Tân Châu, đá Lục Giang, đá Long Hải, đá Công Đo, đá Kỳ Vân, đá Hoa Lau.

2.1.8. Nhóm đảo Bình Nguyên: nằm ở phía Đông gồm đảo Bình Nguyên, đảo Vĩnh Viễn, đá Hoa, đá Đích-kin-xon, đá Đin, đá Hàn Sơn, đá Pét, đá Vành Khăn, cồn san hô Giắc-xon, bãi Cỏ Mây, bãi cạn Suối Ngà, đá Bốc Xan, bãi cạn Sa Bin, đá Hợp Kim, đá Ba Cờ, đá Khúc Giác, đá Bá, đá Giò Gà, đá Chà Và, bãi Mỏ Vịt, bãi cạn Nam, bãi Nâu, bãi Rạch Vang, bãi Rạch Lấp, bãi Na Khoai.

2.2. Quần đảo Hoàng Sa được chia thành 02 nhóm:

Quần đảo Hoàng Sa gồm hai cụm đảo chính là nhóm Lưỡi Liềm ở phía Tây và nhóm An Vĩnh ở phía Đông.

2.2.1. Nhóm Lưỡi Liềm: Nhóm đảo này có hình cánh cung hay lưỡi liềm, nằm về phía Tây quần đảo, gần đất liền Việt Nam, gồm 08 đảo chính là: Đá Bắc, Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Ảnh, Quang Hòa, Bạch Quy, Tri Tôn và các bãi ngầm, mỏm đá.

- Đảo Hoàng Sa có hình bầu dục, độ cao khoảng 9m, diện tích khoảng 0,5 km², dài khoảng 950m, rộng khoảng 650m, có vòng san hô bao quanh. Tuy không phải là đảo lớn nhất nhưng Hoàng Sa là đảo chính của quần đảo, có vị trí quân sự quan trọng nhất cho việc phòng thủ bờ biển Việt Nam. Trên đảo Hoàng Sa từng có bia chủ quyền của Việt Nam với dòng chữ khắc trên bia: République Française - Royaume d'An Nam - Archipel des Paracels - 1816 - Ile des pattle 1938 (Cộng hòa Pháp - Vương triều An Nam - Quần đảo Hoàng Sa 1816 - đảo Hoàng Sa 1938). Ngoài ra, trên đảo còn có Miếu Bà, một số ngôi mộ của binh lính ra canh đảo bị chết tại đây.

- Ngoài ra, nhóm Lưỡi Liềm còn có một số đảo nhỏ, mỏm đá và bãi như: Đảo Ốc Hoa, đảo Ba Ba, đảo Lưỡi Liềm, đá Hải Sâm, đá Lồi, đá Chim Én, bãi Xà Cừ, bãi Ngự Bình, bãi ngầm Ốc Tai Voi...

2.2.2. Nhóm An Vĩnh: Nằm ở phía Đông, bao gồm các đảo tương đối lớn của quần đảo Hoàng Sa và cũng là các đảo san hô lớn nhất của Biển Đông như đảo Phú Lâm, đảo Cây, đảo Linh Côn, đảo Trung, đảo Bắc, đảo Nam, đảo Tây, đảo Hòn Đá.

- Đảo Phú Lâm là đảo quan trọng nhất của cụm đảo An Vĩnh và quần đảo Hoàng Sa. Đảo có chiều dài 1,7 km, chiều ngang 1,2 km.

- Ngoài ra, nhóm An Vĩnh còn có nhiều mỏm đá, cồn cát và bãi như: Đá Trương Nghĩa, đá Sơn Kỳ, đá Trà Tây, đá Bông Bay, bãi Bình Sơn, bãi Đèn Pha, bãi Châu Nhai, cồn Cát Tây, cồn Cát Nam, Hòn Tháp, bãi cạn Gò Nổi, bãi Thủy Tề, bãi Quang Nghĩa.

Câu 7: Những đặc điểm cơ bản của vùng biển Tây Nam? Các hiệp định đã được ký kết trên vùng biển Tây Nam?

Trả lời:

1. Vùng biển Tây Nam: Rộng 150 nghìn km² (Kiên Giang 63 nghìn, Cà Mau 87 nghìn). Trên mặt biển có hơn 153 đảo, trong đó có 46 đảo có người sinh sống (Kiên Giang 43/145 đảo, Cà Mau 3/8 đảo) thuộc 05 quần đảo, An Thới, Hải Tặc, Bà Lụa, Nam Du, Thổ Chu và một số đảo khác. Chiều dài bờ biển khoảng 450 Km, tính từ cửa sông Gành Hào/Bạc Liêu tới Hà Tiên/Kiên Giang (Kiên Giang 200 km, Cà Mau 250 km).

- Đảo Phú Quốc là đảo lớn nhất Việt Nam, với diện tích khoảng 576 km². Phú Quốc là một Thành phố Đảo đầu tiên của nước ta, có khoảng 180 nghìn người sinh sống.

- Vùng biển Tây Nam có hơn 80 loài hải sản có giá trị kinh tế cao; có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, nhất là trữ lượng khí đốt lớn, ước tính vào khoảng 123 đến 125 tỷ m³, là cơ sở để phát triển công nghiệp Khí - Điện - Đạm; có giao thông đường thủy thuận tiện; có nhiều hòn đảo đẹp như: Phú Quốc, Nam Du, Hòn Đốc... là cửa ngõ, tiền đồn bảo vệ sườn Tây Nam của Tổ quốc và các tỉnh Tây Nam Bộ.

2. Các hiệp định đã được ký kết trên vùng biển Tây Nam:

- **Việt Nam - Campuchia:** Ngày 07/7/1982, hai nước đã ký Hiệp định về vùng nước lịch sử, rộng 16.000 Km². Lấy đường Brê-vi-ê làm ranh giới phân chia chủ quyền (ông Brê-vi-ê Toàn quyền Pháp tại Đông Dương vẽ 1 đường dính kèm bức thư gửi cho Thống đốc Nam Kỳ vào ngày 31/01/1939).

- **Việt Nam - Với Thái Lan:** Ngày 09/8/1997, hai nước đã ký Hiệp định về biên giới biển Việt Nam - Thái Lan (đây là hiệp định biên giới trên biển đầu tiên mà Việt Nam ký kết được với các nước). Đường thẳng từ điểm C tới điểm K là đường phân định vùng chồng lấn 6.072 km² (ta hưởng 1/3, Thái Lan hưởng 2/3 diện tích vùng chồng lấn).

- **Việt Nam - Với Malaixia:** Ngày 05/6/1992, Việt Nam và Malaixia đã ký thỏa thuận tạm gác vấn đề phân định để cùng hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí trong vùng chồng lấn rộng khoảng 2.800 km². Đến năm 1997, những thùng dầu đầu tiên khai thác từ vùng chồng lấn đã được xuất khẩu và lợi nhuận chia đều cho hai bên.

Ngoài ra giữa Việt Nam - Thái Lan - Malaixia còn có vùng chồng lấn rộng 650 km² chưa được phân định, đang bàn hợp tác cùng khai thác.

Câu 8: Quan điểm của Đảng ta trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng? Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định định hướng phát triển thành phố Phú Quốc như thế nào?

Trả lời:

1. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ

lực phân đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển.

2. Tập trung xây dựng phát triển thành phố Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh, mang tầm quốc tế; kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và trên thế giới.

Câu 9: Biên giới quốc gia là gì? Biên giới quốc gia có ý nghĩa, tầm quan trọng như thế nào? Những hành vi nào bị cấm trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia theo quy định của Luật Biên giới quốc gia năm 2003?

Trả lời:

1. Biên giới quốc gia (Điều 1, Điều 5, Luật Biên giới quốc gia năm 2003)

- Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Biên giới quốc gia được xác định bằng điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc do pháp luật Việt Nam quy định.

- Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

- Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Các đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

- Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

Ranh giới trong lòng đất thuộc vùng biển là mặt thẳng đứng từ các đường ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

- Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của Biên giới quốc gia (mở đầu của Luật Biên giới quốc gia năm 2003).

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước

3. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 14, Luật Biên giới quốc gia)

- Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới;

- Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới;

- Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia;

- Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm về cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu;

- Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ của nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

- Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.

Câu 10: Luật Biên phòng Việt Nam quy định về nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân? Nội dung chính Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia?

Trả lời:

1. Nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân (Điều 2, Điều 9, Luật Biên phòng Việt Nam)

- *Nền biên phòng toàn dân* là sức mạnh biên phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần và các nguồn lực với phương châm toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường.

- *Thế trận biên phòng toàn dân* là việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng và các nguồn lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ biên phòng phù hợp với Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia.

- *Nội dung cơ bản xây dựng nền biên phòng toàn dân bao gồm:*

- + Xây dựng, tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự và kế hoạch phòng thủ ở khu vực biên giới;
- + Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở khu vực biên giới;
- + Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, quân sự, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ biên phòng;
- + Xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia toàn dân vững mạnh, rộng khắp; xây dựng Bộ đội Biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiên tiến lên hiện đại;
- + Xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
- Nội dung cơ bản xây dựng thể trận biên phòng toàn dân bao gồm:
 - + Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, bố trí các cụm dân cư đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới;
 - + Xây dựng công trình phòng thủ liên hoàn, vững chắc; tổ chức, bố trí lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ biên phòng;
 - + Phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, lực lượng phát huy sức mạnh tổng hợp, kịp thời xử lý các tình huống ở biên giới, khu vực biên giới;
 - + Tổ chức Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ biên phòng

2. Để huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 về việc tổ chức phong trào toàn dân gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới. Theo đó:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới, bờ biển
 - + Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Quốc phòng (Bộ đội Biên phòng), Bộ Công an tổ chức phong trào cho các tập thể; hộ gia đình và cá nhân đăng ký tham gia tự quản bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự trên các tuyến biên giới.
 - + Hàng năm, bố trí một phần ngân sách địa phương để đảm bảo cho các hoạt động của phong trào quần chúng tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.
 - + Định kỳ 02 năm một lần mở đợt tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ nòng cốt của phong trào và tổ chức các hoạt động trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.
 - + Định kỳ 05 năm một lần tổ chức sơ kết cấp tỉnh; hàng năm vào “Ngày Biên phòng toàn dân” 03/3, tiến hành sơ kết phong trào ở cấp xã.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khác phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới quan tâm đầu tư, hỗ trợ các chương

trình, dự án nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân khu vực biên giới; tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả hướng về đồng bào, chiến sỹ nơi biên giới.

- Bộ Quốc phòng

+ Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có biên giới hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai cho tập thể, hộ gia đình và cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Nghiên cứu, hoàn thiện nội dung, phương pháp xây dựng phong trào, các mô hình tập thể, hộ gia đình và cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia để thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Định kỳ 10 năm, tham mưu cho Chính phủ tổ chức tổng kết việc triển khai cho tập thể, hộ gia đình và cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trên phạm vi toàn quốc.

+ Chủ trì phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có biên giới tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ nòng cốt của phong trào và tiến hành các hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm.

+ Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng làm nòng cốt trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức, quản lý tập thể, hộ gia đình và cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

+ Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Biển, Hải quân phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạo điều kiện cho ngư dân đánh cá xa bờ, hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an trong công tác xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội ở khu vực biên giới.

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng (Bộ đội Biên phòng) khảo sát, rà soát lại quy hoạch bố trí dân cư các xã biên giới theo các Quyết định số 570/QĐ-TTg, ngày 17/5/2012; số 1178/QĐ-TTg, ngày 10/8/2009; số 1179/QĐ-TTg, ngày 10/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành khác để triển khai tổ chức thực hiện góp phần xây dựng Nông thôn mới, đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch, chương trình định kỳ và dài hạn để phổ biến, giáo dục nhận thức cho nhân dân về chủ quyền biên giới đất liền, biển đảo trên các báo, đài Trung ương, địa phương, cũng như trên các kênh truyền hình đối ngoại và dành cho kiều bào ta ở nước ngoài.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng và đưa vào chương trình giảng dạy nội dung bảo vệ chủ quyền lãnh thổ

an ninh biên giới quốc gia vào chương trình giảng dạy cho học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

- Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân các vùng biên giới, hải đảo nâng cao ý thức, trách nhiệm, tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường các hoạt động giao lưu nhân dân với địa phương các nước có chung đường biên giới; ghi nhận, biểu dương, khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật trong thực hiện phong trào.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về âm mưu, thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Câu 11: Anh/chị có đề xuất giải pháp gì để góp phần nâng cao hiệu quả một trong các công tác sau: (1) Thông tin, đối ngoại; (2) tuyên truyền biển, đảo; (3) công tác biên giới trên đất liền tỉnh Kiên Giang thời gian tới?